

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 1 – GIA LAI **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
TỈNH GIA LAI

Bản án số: 10/2025/DS-ST

Ngày: 09-7-2025

V/v: “Tranh chấp hợp đồng
cho thuê căn hộ”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC I - GIA LAI, TỈNH GIA LAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Ngọc Dung

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Trần Thị Phôi

2. Bà Phạm Thị Tú Nga

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Đức Phong là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 1 - Gia Lai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Gia Lai tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hoa Lý – Kiểm sát viên.

Vào ngày 09 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1- Gia Lai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 98/2025/TLST - DS ngày 11 tháng 4 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng cho thuê căn hộ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 176/2025/QĐXX-ST ngày 03/6/2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Minh T, sinh ngày: 19/7/1982; Số CCCD: 079082015057; Địa chỉ thường trú: B7.06, Khối B, Khu R, C Bờ Bao T, phường S, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cũ, nay là: B7.06, Khối B Khu Ruby C, C Bờ Bao T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T:

Bà Nguyễn Minh H, sinh năm 1999 và ông Trần Thanh T1, sinh năm 1995, cùng địa chỉ liên lạc: Tầng A, Tòa nhà V, số B C, phường P, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh cũ, nay là: Tầng A, số B C, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền số 02/2025/GUQL ngày 27/3/2025) (bà H có mặt).

2. *Bị đơn:* Công ty cổ phần F; Địa chỉ trụ sở: Khu S, khu du lịch biển Nhơn Lý - C, xã N, TP ., T. B cũ, nay là: Khu S, khu D - C, phường Q, tỉnh Gia Lai;

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Nguyễn Thị T2 - Là người đại diện theo pháp luật. Ông Trần Minh Đ, bà Hoàng Phương T3, cùng địa chỉ: Tầng E, Tòa nhà F, đường L, phường M, Quận N, TP . cũ, nay là: Tầng E, Tòa nhà F, đường L, phường T, Thành phố Hà Nội là những người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 03/GUQ- QĐ ngày 20/5/2025) (ông Đ có mặt).

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị Sơn X; Địa

chỉ thường trú: B7.06, Khối B, Khu R, C Bờ Bao T, phường S, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cũ, nay là: B7.06, Khối B Khu Ruby C, C Bờ Bao T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà X: Bà Nguyễn Minh H, sinh năm 1999 và ông Trần Thanh T1, sinh năm 1995, cùng địa chỉ liên lạc: Tầng A, Tòa nhà V, số B C, phường P, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh cũ, nay là: Tầng A, số B C, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền số 01/2025/GUQL ngày 14/4/2025) (bà H có mặt).

NHẬN THẤY:

** Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo nguyên đơn ông Nguyễn Minh T và Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Minh T là bà Nguyễn Minh H và ông Trần Thanh T1 thống nhất trình bày:*

Ngày 08/01/2018, giữa nguyên đơn ông Nguyễn Minh T và Công ty Cổ phần F (sau đây gọi tắt là F) có thống nhất thỏa thuận và ký Hợp đồng mua bán căn hộ số: 5A tại tầng 9 Zone 4 theo Hợp đồng mua bán căn hộ số: 4095A/2018/HĐMBCH-THECOASTALHILL (Sau đây gọi tắt là “Hợp đồng mua bán”) tổ hợp căn hộ khách sạn F thuộc Dự án Khu đô thị S tại Khu K, xã N, thành phố Q, tỉnh Bình Định cũ, nay là phường Q, tỉnh Gia Lai. Hiện nay giữa ông T và F không có tranh chấp gì về hợp đồng mua bán căn hộ nói trên.

Do ông T đã thanh toán được 95% giá bán căn hộ (tương đương với số tiền 1.760.350.000 đồng) nên ngày 13/3/2018 giữa ông T và Công ty cổ phần F (sau đây gọi tắt là F) có thống nhất thỏa thuận, ký kết hợp đồng cho thuê và quản lý căn hộ số: 5A tại tầng 9 Z, theo Hợp đồng cho thuê số: 4095A/2018/HĐTCH-THECOASTALHILL, tổ hợp căn hộ khách sạn F thuộc Dự án Khu đô thị S tại Khu K, xã N, thành phố Q, tỉnh Bình Định cũ, nay là Phường Q, tỉnh Gia Lai. Hợp đồng đã thỏa thuận rõ về giá cho thuê, thời hạn cho thuê, thanh toán, bàn giao.

Sau khi ký kết hợp đồng cho thuê nói trên mặc dù đã đến hạn thanh toán nhưng nguyên đơn không nhận được tiền cho thuê từ F. Nguyên đơn đã nhiều lần gửi Thông báo đến F để yêu cầu F thanh toán tiền thuê căn hộ mà phía F còn thiếu nhưng vẫn không được giải quyết. Cho đến nay, nguyên đơn vẫn không nhận được bất kỳ phản hồi nào từ phía F. Như vậy, F đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền thuê theo Hợp đồng cho thuê căn hộ nói trên.

Tại Bản án số 112/2022/KDTM-ST ngày 29/12/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn xác định: việc chậm bàn giao không phải do lỗi trì hoãn của ông T mà do Chủ đầu tư Căn hộ đã bàn giao không đúng với thỏa thuận. Tại bản án số 113/2022/KDTM-ST ngày 29/12/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định và Bản án Phúc thẩm số 05/2023/DS-PT ngày 15/05/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã xác định F có nghĩa vụ thanh toán tiền thuê theo Hợp đồng thuê nêu trên cho ông T và buộc F thanh toán cho ông T số tiền thuê của năm 2020 và năm 2021. Do đó, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 thì đối với những tình tiết, sự kiện đã được xác định trong bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật hoặc quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã có hiệu lực pháp luật thì không

phải chứng minh lại đối với nghĩa vụ thanh toán của F.

Như vậy tính từ năm 2022 cho đến năm 2024 F chưa thanh toán tiền cho thuê cho nguyên đơn cụ thể là 6 kỳ thanh toán, tương đương mỗi kỳ là 75.504.545 đồng (đã được hai bên thống nhất sau khi trừ thuế VAT, thuế TNCN và thuế môn bài theo quy định).

Vì vậy tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn yêu cầu Tòa giải quyết buộc Công ty cổ phần F thanh toán một lần toàn bộ tiền thuê căn hộ số: 5A, tại tầng 9, Z chưa thanh toán và lãi suất chậm thanh toán theo quy định đã cam kết trong Hợp đồng thuê và quản lý tài sản số: 4095A/2018/HĐTCH-THECOASTALHILL tạm tính từ năm 2022, năm 2023 và năm 2024 cho nguyên đơn số tiền 489.212.823 đồng (trong đó: 453.027.270 đồng là tiền thuê căn hộ 6 kỳ (tương đương mỗi kỳ là 75.504.545 đồng đã trừ thuế VAT, thuế TNCN và thuế môn bài theo quy định) và 36.185.553 đồng là tiền lãi suất chậm thanh toán (lãi suất được tính theo tiền gửi tiết kiệm trả lãi sau kỳ hạn 06 tháng đối với khách hàng cá nhân tại B hiện nay là 3.0%/năm ($3.0\% \times 150\% = 4.5\%$) tính đến ngày xét xử sơ thẩm.

** Bị đơn Công ty cổ phần F do ông Nguyễn Minh Đ1 bà Hoàng Phương T3 là người đại diện theo ủy quyền thống nhất trình bày:*

Ngày 13/3/2018 Công ty cổ phần F và ông Nguyễn Minh T đã ký kết Hợp đồng thuê và quản lý tài sản số 4095A/2018/HĐTCH-THECOASTAL HILL về việc thuê và quản lý căn hộ số 5A, tầng 9, Z. Sau khi ký hợp đồng, đến thời điểm hiện tại F vẫn chưa được nhận bàn giao căn hộ từ ông Nguyễn Minh T.

Nay ông Nguyễn Minh T yêu cầu Công ty cổ phần F phải thanh toán tiền thuê căn hộ cho ông tính từ năm 2022 đến hết năm 2024 và lãi suất phát sinh tạm tính đến ngày 09/7/2025 với tổng số tiền là 489.212.823 đồng (t trong đó 453.027.270 đồng là tiền thuê và 36.185.553 đồng là tiền lãi). Công ty cổ phần F không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì tính đến thời điểm hiện tại F vẫn chưa được nhận bàn giao căn hộ từ ông Nguyễn Minh T nên F không có nghĩa vụ thanh toán tiền thuê đối với căn hộ này.

** Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Sơn X là bà Nguyễn Minh H và ông Trần Thanh T1 thống nhất trình bày:* bà Nguyễn Thị Sơn X là vợ ông Nguyễn Minh T tiền đầu tư vào mua căn hộ là của vợ chồng bà X, nay bà X thống nhất như lời trình bày và yêu cầu của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1- Gia Lai, tỉnh Gia Lai phát biểu ý kiến về quá trình giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hướng giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX Căn cứ các Điều 351, 353, 357, 472, 473, 474, 481 BLDS năm 2015.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Minh T buộc bị đơn Công ty cổ phần F có nghĩa vụ thanh toán cho ông T tiền thuê căn hộ và tiền

lãi phát sinh do chậm thanh toán tiền thuê căn hộ năm 2022, năm 2023 và năm 2024 tổng số tiền là 489.212.823 đồng (trong đó 453.027.270 đồng là tiền thuê chưa thanh toán và 36.185.553 đồng là tiền lãi chậm thanh toán tiền thuê tính đến ngày 09/7/2025).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về thẩm quyền giải quyết vụ án, vụ án có quan hệ là “Tranh chấp hợp đồng cho thuê căn hộ”, bị đơn có địa chỉ trụ sở: Khu S, khu D - C, xã N, thành phố Q, tỉnh Bình Định cũ, nay là: phường Q, tỉnh Gia Lai. Tòa án nhân dân khu vực 1 – Gia Lai, tỉnh Gia Lai thụ lý vụ án, giải quyết theo thẩm quyền quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Về yêu cầu Công ty cổ phần F thanh toán tiền thuê từ năm 2022, năm 2023 và năm 2024 cho nguyên đơn là (6 kỳ x 75.504.545 đồng) số tiền 453.027.270 đồng và lãi phát sinh tính đến ngày 09/7/2025 số tiền là 36.185.553 đồng với tổng số tiền là 489.212.823 đồng của nguyên đơn nhưng không được bị đơn đồng ý và cho rằng hiện tại F vẫn chưa được nhận bàn giao căn hộ từ ông Nguyễn Minh T nên F không có nghĩa vụ thanh toán tiền thuê đối với căn hộ này. HĐXX nhận thấy:

[2.1] Đối với yêu cầu trả tiền cho thuê:

Ngày 08/01/2018, giữa nguyên đơn ông Nguyễn Minh T và Công ty cổ phần F có thống nhất thỏa thuận và ký Hợp đồng mua bán căn hộ số: 5A, tại tầng 9, Z 4 theo Hợp đồng mua bán căn hộ số: 4095A/2018/HĐMBCH-THECOASTALHILL, tổ hợp căn hộ khách sạn F thuộc Dự án Khu đô thị S tại Khu K, xã N, thành phố Q, tỉnh Bình Định cũ, nay là: phường Q, tỉnh Gia Lai. Hiện nay giữa ông T và Công ty F không có tranh chấp gì về hợp đồng mua bán căn hộ nói trên.

Ngày 13/3/2018 giữa ông T và Công ty F có thống nhất thỏa thuận, ký kết hợp đồng cho thuê và quản lý căn hộ số: 5A tại tầng 9 Z, theo Hợp đồng cho thuê số: 4095A/2018/HĐTCH-THECOASTALHILL, được bổ sung bởi Phụ Lục số 02, ngày 13 tháng 3 năm 2018, tổ hợp căn hộ khách sạn F thuộc Dự án Khu đô thị S tại Khu K, xã N, thành phố Q, tỉnh Bình Định cũ, nay là: Phường Q, tỉnh Gia Lai. Đối tượng của Hợp đồng thuê là căn hộ trong Hợp đồng mua bán trên. Xét thấy, hợp đồng này được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, phù hợp với các quy định của Bộ luật dân sự, Luật kinh doanh bất động sản nên phát sinh hiệu lực.

Sau khi các bên tham gia ký kết hợp đồng cho thuê, mặc dù hai bên chưa bàn giao căn hộ nhưng việc chậm tiến độ xây dựng, không tiến hành bàn giao căn hộ theo thời gian thỏa thuận là lỗi của Tập đoàn F trong khi nguyên đơn đã thanh toán đủ số tiền 95% giá bán căn hộ như tại Bản án số 112/2022/KDTM-ST ngày 29/12/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn cũ và Quyết định

đình chỉ phúc thẩm số 06/2023/QĐ-PT ngày 15/05/2023 của Tòa án Nhân dân tỉnh Bình Định cũ đã xác định việc chậm bàn giao không phải do lỗi của ông T mà do Chủ đầu tư Căn hộ đã bàn giao không đúng với thỏa thuận và tại Bản án số 113/2022/KDTM-ST ngày 29/12/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định cũ và Bản án Phúc thẩm số 05/2023/DS-PT ngày 15/05/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định cũ đã xác định Công ty F có nghĩa vụ thanh toán tiền thuê theo Hợp đồng thuê nêu trên cho ông T, và buộc F thanh toán cho ông T số tiền thuê của năm 2020 và năm 2021. Hơn nữa qua xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 19/5/2025 hiện căn hộ trên đã hoàn thành, nay F đang quản lý căn hộ nói trên và có mã Quản lý Khách sạn của F đã được đưa vào hoạt động và khai thác kinh doanh, nên theo hợp đồng cho thuê tại Điều 4 quy định về phương thức và thời hạn thanh toán thì Công ty cổ phần F đã vi phạm về thời hạn thanh toán tiền thuê tiếp theo cho ông T.

Do đó yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Minh T buộc bị đơn Công ty Cổ phần F phải có nghĩa vụ thanh toán tiếp tiền thuê từ năm 2022, năm 2023, và năm 2024 là 06 kỳ cho thuê tương ứng với mỗi kỳ tiền cho thuê là 75.504.545 đồng, thành tiền là 453.027.270 đồng là có căn cứ phù hợp quy định tại các Điều 472, 473, 474, 481 Bộ luật dân sự nên được HĐXX chấp nhận.

[2.2] Đối với yêu cầu tính tiền lãi chậm trả trên tiền cho thuê tính đến ngày 09/7/2025 là 36.185.553 đồng của nguyên đơn: HĐXX nhận thấy:

Căn cứ Điều 10.1 của Hợp đồng thuê khoản tiền chậm thanh toán sẽ bị tính lãi suất quá hạn bằng 150% của lãi suất tiền gửi tiết kiệm trả lãi sau kỳ hạn 06 tháng đối với Khách hàng cá nhân của Ngân hàng Đ2 (B) công bố tại thời điểm thanh toán tính từ ngày thứ ba mươi một kể từ ngày cuối cùng của thời hạn phải thanh toán cho đến ngày Công ty cổ phần F thanh toán khoản tiền đó.

Như vậy, đến nay Công ty cổ phần F chưa thanh toán tiền thuê căn hộ số 5A, tầng 9, Z tại xã N, TP ., tỉnh Bình Định cũ, nay là: Phường Q, tỉnh Gia Lai cho ông T năm 2022, năm 2023, năm 2024 là vi phạm nghĩa vụ quy định tại Điều 10.1 của Hợp đồng đã ký kết giữa hai bên. Do đó, ông T yêu cầu Công ty cổ phần F thanh toán tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán tiền thuê căn hộ (lãi suất được tính theo tiền gửi tiết kiệm trả lãi sau kỳ hạn 06 tháng đối với khách hàng cá nhân tại B hiện nay là 3.0%/năm ($3.0\% \times 150\% = 4.5\%$) từ năm 2022, năm 2023, năm 2024 là số tiền là 36.185.553 đồng là có căn cứ phù hợp quy định tại các Điều 351, 353, 357 Bộ luật dân sự nên được HĐXX chấp nhận.

Vì vậy việc F không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cho rằng tính đến thời điểm hiện tại F vẫn chưa được nhận bàn giao căn hộ từ ông Nguyễn Minh T nên F không có nghĩa vụ thanh toán tiền thuê và lãi đối với căn hộ này là không có căn cứ của pháp luật nên không được chấp nhận.

Như vậy Công ty Cổ phần F phải có nghĩa vụ thanh toán tiền cho thuê tính từ năm 2022, năm 2023, năm 2024 tương ứng 06 kỳ cho thuê và lãi chậm thanh toán tính ngày xét xử tương ứng với 06 kỳ cho thuê với tổng số tiền là: 489.212.823 đồng (trong đó 453.027.270 đồng tiền thuê và lãi suất là 36.185.553 đồng) cho ông Nguyễn Minh T.

Khoản tiền được thanh toán là tài sản chung của vợ chồng ông Nguyễn

Minh T và bà Nguyễn Thị Sơn X nên Công ty Cổ phần F phải thanh toán cho ông T bà X.

[3] Về án phí và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Bị đơn Công ty Cổ phần F phải chịu theo quy định của pháp luật.

[4] Lời phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của HĐXX.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 351, 353, 357, 418, 472, 473, 474, 481 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh T.

2. Buộc Công ty cổ phần F phải có nghĩa vụ thanh toán tiền cho thuê căn hộ tính từ năm 2022, năm 2023, năm 2024 và tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán tiền thuê căn hộ tính từ năm 2022, năm 2023, năm 2024 tổng số tiền là 489.212.823 đồng (Trong đó 453.027.270 đồng là tiền cho thuê chưa thanh toán và 36.185.553 đồng là tiền lãi chậm thanh toán tiền cho thuê tính đến ngày 09/7/2025) cho ông Nguyễn Minh T và bà Nguyễn Thị Sơn X.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Bác lời nại của Công ty Cổ phần F không đồng ý thanh toán số tiền trên.

4. Về án phí DSST, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

- Công ty cổ phần F phải chịu 23.568.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Nguyễn Minh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. H1 lại cho ông Nguyễn Minh T 12.356.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0001402 ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định cũ, nay là: Phòng thi hành án dân sự khu vực 1 - Gia Lai, tỉnh Gia Lai.

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ hết 4.000.000 đồng, ông Nguyễn Minh T đã tạm ứng, Công ty Cổ phần F phải chịu nên có nghĩa vụ hoàn lại 4.000.000 đồng cho ông Nguyễn Minh T.

* Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại

Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận: TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND Khu vực 1- Gia Lai;
- THADS tỉnh Gia Lai;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; Lưu VT, VP.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Ngọc Dung